

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/DS-ST
Ngày: 31-5-2017
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoa

2. Bà Lê Thị Chung

Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phụng- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2017 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2017/QĐXX ngày 09 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Hoàng Văn P và bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: xóm Đ, Thôn 11, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/03/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Vũ Xuân Đ trình bày:

Khoảng năm 2012 và 2013 ông có cho vợ chồng ông P bà N vay tiền nhiều lần sau khi vay thì vợ chồng ông P bà N đều thanh toán đầy đủ. Ngày 17/12/2014 ông cho vợ chồng ông P, bà N vay 25.000.000 đồng, ngày 25/12/2014 vay 10.000.000 đồng, ngày 27/12/2014 vay 10.000.000 đồng; tổng số là 45.000.000đ,

lãi suất hai bên thỏa thuận 2,7%/tháng kể từ ngày vay, vợ chồng ông P bà N hứa đến đầu tháng 02/2015 bán được vườn sẽ trả số tiền trên cho ông bà.

Tháng 03/2015 vợ chồng ông P, bà N cùng con trai là Hoàng Văn T và ông đồng ý chuyển giao nghĩa vụ trả nợ khoản tiền 45.000.000đ vay trên cho anh Hoàng Văn T theo “Giấy chứng nhận ghi ngày 26/3/2015”, nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ chuyển giao. Do đó, đến ngày 18/5/2015 (ngày 01/4/2015 Âm lịch) vợ chồng ông P bà N viết giấy xác nhận có trách nhiệm trả khoản nợ gốc và lãi cho ông là 49.099.000đ; đến ngày 18/12/2015 vợ chồng ông P bà N tiếp tục xác nhận có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông P, bà N có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền gốc và lãi suất đến ngày khởi kiện tổng cộng là 50.000.000, không yêu cầu tính lãi thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Hoàng Văn P và bà Nguyễn Thị N trình bày: Vợ chồng ông bà thừa nhận có ký xác nhận nợ ông Đ trong giấy nhận nợ ghi ngày 18/5/2015 và ngày 18/12/2015 do ông Đ xuất trình, trên thực tế vợ chồng ông, bà có nhận tiền thì ông bà không xác định được. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.000.000 đồng thì vợ chồng ông bà đồng ý trả. Tuy nhiên, đề nghị ông Đ có trách nhiệm trả lại diện tích ao khoảng 500m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại Thôn 11, xã H mà trước đây con của vợ chồng ông bà là Hoàng Văn T khi mua đất của ông Nguyễn Văn T (cháu ông Đ), địa chỉ thôn 4, xã H, huyện D thì ông Đ có xác nhận được quyền sử dụng chung. Đến nay anh T đã bán đất cho ông Nguyễn Chi P, địa chỉ thôn 3 xã H, huyện D, tuy nhiên do ông Đ chiếm dụng diện tích ao trên nên ông P đã trừ đi số tiền bán đất là 40.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 09/5/2017 nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; vợ chồng ông P, bà N giữ nguyên ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử giải thích cho vợ chồng ông P, bà N biết ý kiến về việc tranh chấp đất với ông Đ là một quan hệ pháp luật khác, không liên quan đến việc vay nợ trong vụ án này, do đó nếu có căn cứ thì vợ chồng ông P, bà N có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác; vợ chồng ông P, bà N đồng ý với giải thích của Hội đồng xét xử và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc vợ chồng ông P và bà N trả cho ông Đ 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Do là hàng xóm nên trong năm 2014 ông Đ có cho vợ chồng ông P, bà N vay số tiền là 45.000.000 đồng, đến ngày 18/5/2015 và ngày 18/12/2015 thì vợ chồng ông P, bà N viết giấy nhận nợ gốc và lãi tổng số là 49.099.000 đồng. Nhiều lần ông Đ yêu cầu vợ chồng ông P, bà N trả số tiền trên nhưng vợ chồng ông P, bà N không thực hiện nghĩa vụ. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông P, bà N thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày khởi kiện tổng cộng là 50.000.0000 đồng, không yêu cầu tính lãi thêm nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D.

[2] Theo “Giấy biên nhận” ghi ngày 18/5/2016 (ngày 01/4/2015 Âm lịch) (Bút lục số 33-34) do hai bên lập thể hiện ngày 17/12/2014 ông Đ cho vợ chồng ông P, bà N vay 35.000.000 đồng, ngày 25/12/2014 cho vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,7%/tháng; tổng cộng gốc và lãi là 49.099.000 đồng. Theo “giấy nhận nợ” ghi ngày 18/12/2015 (bút lục số 32) cũng thể hiện còn nợ số tiền gốc theo giấy nhận nợ ngày 01/4/2015 (Âm lịch) là 49.099.000 đồng và hẹn sau hai tháng sau sẽ trả nợ. Vợ chồng ông P, bà N thừa nhận có ký xác nhận vào các giấy vay nợ nêu trên. Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 22/6/2016 tại UBND xã H (bút lục số 15-16) vợ chồng ông P, bà N tiếp tục thừa nhận nợ ông Đ số tiền gốc 45.000.000 đồng và lãi suất 5.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này thành hai đợt, đợt 1 vào ngày 10/12/2016 và đợt 2 vào ngày 10/12/2017. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông P, bà N đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ nhưng xin ông Đ bớt số tiền lãi, còn ông Đ không đồng ý. Như vậy, cần áp dụng quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc vợ chồng ông P, bà N trả cho ông Đ số tiền gốc là 45.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về lãi suất, ông Đ yêu cầu tính lãi suất của khoản vay 45.000.000 đồng kể từ ngày 17/12/2014 đến ngày xét xử hôm nay 31/5/2017 là 5.000.000 đồng, xét yêu cầu tính lãi này phù hợp và không vượt quá mức quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận.

[4] Đối với việc vợ chồng ông P, bà N lấy lý do không đồng ý trả nợ vì ông Đ chiếm dụng diện tích ao khoảng 500m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại Thôn 11, xã H mà trước đây con của vợ chồng ông bà là Hoàng Văn T khi mua đất của ông Nguyễn Văn T (cháu ông Đ), địa chỉ thôn 4, xã H, huyện D thì ông Đ có xác nhận được quyền sử dụng chung. Đến nay anh T đã bán đất cho ông Nguyễn Chi P, địa chỉ thôn 3 xã H, huyện D, thì ông Đ lại chiếm dụng diện tích ao trên nên ông P đã trừ đi số tiền bán đất cho anh T là 40.000.000đ. Xét thấy, đây là một quan hệ tranh chấp pháp luật độc lập, không liên quan đến vụ án này vì diện tích đất không thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông P, bà N mà của anh T (con trai ông P, bà N), bên cạnh đó anh T đã bán cho ông P nên ý kiến trình bày này không được coi là yêu cầu phản tố. Mặt khác, trong giấy nhận nợ cũng như biên bản hòa giải về việc vay tài sản giữa hai bên tại UBND xã H không thể hiện nội dung liên quan đến diện tích đất trên, do đó nếu vợ chồng ông P, bà N và anh T có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật bằng một vụ kiện khác.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ; buộc vợ chồng ông P, bà N có trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền là 50.000.000 đồng. Trong đó gốc là 45.000.000 đồng, lãi là 5.000.000 đồng

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đ.

Vợ chồng ông P, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho ông Đ là 2.500.000 đồng (5% x 50.000.000 đồng). Tuy nhiên, do vợ chồng ông P, bà N thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn giảm án phí, vì vậy áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc về án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông P, bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Xuân Đ.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Hoàng Văn P, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho ông Vũ Xuân Đ số tiền 50.000.000 đồng. Trong đó gốc là 45.000.000 đồng, lãi là 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 375 Bộ luật Dân sự

Về án phí:

Ông Vũ Xuân Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0004271 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Hoàng Văn P, bà Nguyễn Thị N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Hoàn

